SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TÂY NINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2187 /BC-VPĐKĐĐ

Tây Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 2 năm 2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh báo cáo tình hình thực hiện công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 2 năm 2023 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

I. Tình hình công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 2 năm 2023 tại Văn phòng Đăng ký đất đai:

1. Số đơn vị chưa công khai ngân sách: Không có.

2. Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: Chi tiết theo biểu sau

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
I	Đơn vị dự toán trực thuộc	x		x		x	
1	Văn phòng Đăng ký đất đai	x		x		x	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: Không có.

Nơi nhận:
- Sở TN&MT;
- Lưu :VT, KT.

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Trần Quang Khải

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI QUÝ 2/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh công khai thực hiện dự toán thu chi Quý 2 năm 2023, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3	6
A	**Tổng số thu,chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**43.160**	**14.852,86**	**34**	**80**
1	Lệ phí	3.000	1.096,80	37	85
	Lệ phí địa chính	3.000	1.096,80	37	85
2	Phí	40.160	13.756,06	34	80
	Phí Giao dịch bảo đảm	3.900	990,72	25	90
	Phí Khai thác tài liệu	260	270,40	104	205
	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	36.000	12.494,94	35	**78**
II	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**11.110**	**3.929,13**	**35**	**82**
1	Lệ phí	3.000	1.096,80	37	85
	Lệ phí địa chính	3.000	1.096,80	37	85
2	Phí	8.110	2.832,33	35	81
	Phí Giao dịch bảo đảm	780	198,14	25	90
	Phí Khai thác tài liệu	130	135,20	104	205
	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	7.200	2.498,99	34,7	78
III	**Số phí trích để lại**	**32.050**	**10.923,73**	**34**	**79**
	Phí Giao dịch bảo đảm	3.120	792,58	25	90
	Phí Khai thác tài liệu	130	135,20	104	205

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3	6
	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	28.800	9.995,95	35	78
IV	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**19.348,04**	**3.863,88**	**20**	**114**
1	**Quỹ lương**	**12.461,69**	**2.977,89**	**24**	**101**
a	Quỹ lương biên chế	5.622,27	1.352,57	24	86
b	Quỹ lương HĐLĐ	6.839,42	1.625,32	24	119
2	**Chi thường xuyên**	**6.886,35**	**885,99**	**13**	**202**
V	**Chênh lệch thu chi nguồn phí**	**12.701,96**	**7.059,85**	**56**	**68**
1	**Trích CCTL**	635,10	352,99	56	68
2	**Trích các quỹ**	12.066,86	6.706,86	56	68
B	**Dự toán chi NSNN**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**266,80**	-	-	
5	**Chi bảo đảm xã hội - Tiền tết UB (Loại 370 - Khoản 398)**	**266,8**	-	-	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	266,8		-	
C	**Tổng số thu,chi nguồn dịch vụ**				
I	**Tổng thu dịch vụ**	**60.060**	**20.072,30**	**33**	**83**
1	Thu dịch vụ đo đạc	60.000	20.023,20	33	83
2	Thu lãi tiền gửi	60	49,10	82	162
II	**Nộp thuế GTGT, TNDN**	**6.003**	**2.004,78**	**33**	**83**
1	Thu dịch vụ đo đạc	6.000	2.002,32	33	83
2	Thu lãi tiền gửi	3,0	2,46	82	162
III	**Số trích để lại sử dụng**	**54.057**	**18.067,53**	**33**	**83**
IV	**Chi từ nguồn dịch vụ**	**24.467,79**	**5.175,49**	**21**	**114**
1	**Quỹ lương**	**10.857,99**	**2.908,17**	**27**	**114**
a	Quỹ lương biên chế	4.563,22	1.220,64	27	101
b	Quỹ lương HĐLĐ	6.294,77	1.687,53	27	126
2	**Chi thường xuyên**	**13.609,80**	**2.267,32**	**17**	**113**

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5 = 4/3	6
V	**Chênh lệch thu chi nguồn dịch vụ**	**29.589,21**	**12.892,04**	**44**	**75**
1	Trích CCTL	1.476,61	642,27	43	74
2	Trích các quỹ	28.112,60	12.249,77	44	75

Ngày 11 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH

Trần Quang Khải